

Số : 668/TB-TTPTQĐ

Ninh Phước, ngày 13 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỐI ĐẤT CÁC THỪA ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với các thửa đất trên địa bàn huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1799/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với lô đất số A18, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư Phía nam cầu Phú Quý và thửa đất số 5184, tờ bản đồ địa chính số 24, Khu phố 6, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định 1815/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với lô đất số A18, tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư Phía nam cầu Phú Quý và thửa đất số 5184, tờ bản đồ địa chính số 24, Khu phố 6, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định 1800/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ địa chính số 7d và thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính số 7c, thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1818/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ địa chính số 7d và thửa đất số 3, tờ bản đồ địa chính số 7c, thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1801/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với lô đất số 1052 (trương ứng lô 120), tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư Xóm Mới, thôn Phước Thiện, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1813/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với lô đất số 1052 (tương ứng lô 120), tờ bản đồ quy hoạch khu dân cư Xóm Mới, thôn Phước Thiện, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1802/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 1011, tờ bản đồ địa chính số 11b và thửa đất số 1075, tờ bản đồ địa chính số 5, thôn An Thạnh 1, xã An Hải, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 1011, tờ bản đồ địa chính số 11b và thửa đất số 1075, tờ bản đồ địa chính số 5, thôn An Thạnh 1, xã An Hải, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1803/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 310, tờ bản đồ địa chính số 16d, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1819/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 310, tờ bản đồ địa chính số 16d, xã Phước Hữu, huyện Ninh Phước;

Căn cứ Quyết định 1804/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 712, tờ bản đồ địa chính số 14, thôn Liên Sơn, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định 1816/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 712, tờ bản đồ địa chính số 14, thôn Liên Sơn, xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định 1805/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Phương án đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ địa chính số 14c, thôn Thành Tín, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định 1817/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 của UBND huyện Ninh Phước về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ địa chính số 14c, thôn Thành Tín, xã Phước Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Phước Thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với các thửa đất trên địa bàn huyện Ninh Phước, như sau:

1. Người có tài sản: Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước (Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Phước).

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

2. Tên Tài sản, số lượng, giá khởi điểm tài sản đấu giá.

2.1. Vị trí khu đất: Nằm trong khu quy hoạch dân cư và các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn huyện Ninh Phước.

Theo trích lục các thửa đất

2.2. Diện tích đất bán đấu giá: 10 thửa, 19 lô, diện tích 3.415,12 m²

Chi tiết của 10 thửa, 19 lô đất:

TT	Thửa đất đấu giá	Số mặt tiền tiếp giáp	Diện tích đấu giá (m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)	Thành tiền
1	Lô đất số A18, tờ bản đồ QH KDC phía Nam cầu Phú Quý – Đường QL 1A, TT Phước Dân	1 mặt tiền	100,00	11.300.000	1.130.000.000
2	05 lô đất (từ số 01-05) (Tách ra từ thửa 5184), tờ bản đồ số 5, khu phố 6, TT Phước Dân				
a	Lô đất số 01	Bị ngã 3 đường đâm vào lô đất	149,80	3.531.150	528.966.270
b	Lô đất số 02	1 mặt tiền	141,40	3.717.000	525.583.800
c	Lô đất số 03	2 mặt tiền	141,40	4.088.700	578.142.180
d	Lô đất số 04	1 mặt tiền	139,50	3.717.000	518.521.500
e	Lô đất số 05	1 mặt tiền	140,40	3.717.000	521.866.800
3	Thửa đất số 310 (Chỉnh lý từ thửa đất số 25), tờ bản đồ số 16d, thôn Nhuận Đức, xã Phước Hữu	2 mặt tiền	272,00	2.427.000	660.144.000
4	Thửa đất số 1011 (tách ra từ thửa đất số 134), tờ bản đồ số 11b, thôn An Thạnh, xã An Hải	1 mặt tiền	87,00	4.643.000	403.941.000



5	Thửa đất số 1075 (Chỉnh lý từ thửa đất số 157, 158, 159), tờ bản đồ số 5, Thôn An Thạnh, xã An Hải	2 mặt tiền	298,00	10.210.000	3.042.580.000
6	04 lô đất (từ số 01-04) (Tách ra từ thửa số 44), tờ bản đồ số 14c, thôn Thành Tín, xã Phước Hải				
a	Lô đất số 01	3 mặt tiền	210,80	3.744.000	789.235.200
b	Lô đất số 02	2 mặt tiền	227,60	3.432.000	781.123.200
c	Lô đất số 03	1 mặt tiền	215,70	3.120.000	672.984.000
d	Lô đất số 04	1 mặt tiền	193,10	2.613.000	504.570.300
7	Thửa đất số 272 (Đã chỉnh lý), tờ bản đồ số 7d, Thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận	Bị ngã 3 đường đâm vào lô đất	215,00	1.820.000	391.300.000
8	Thửa đất số 3 (Đã chỉnh lý), tờ bản đồ số 7c				
8	Thửa đất số 3 (Đã chỉnh lý), tờ bản đồ số 7c	Thôn Thuận Hòa, xã Phước Thuận			
a	Lô đất số 01	1 mặt tiền	140,61	3.487.000	490.307.070
b	Lô đất số 02	1 mặt tiền	142,03	3.487.000	495.258.610
c	Lô đất số 03	2 mặt tiền	183,78	3.835.700	704.924.946
9	Thửa đất số 1052, tờ bản đồ số 18 (Lô 120, Bản đồ QH KDC Xóm Mới)	1 mặt tiền	192,00	1.720.000	330.240.000
10	Thửa đất số 712 (Tách ra từ thửa đất số 557), tờ bản đồ số 14	1 mặt tiền	225,00	1.163.000	261.675.000
Tổng			3.415,12	13.331.363.876	

3. Mục đích, hình thức và thời hạn sử dụng đất:

Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị và nông thôn theo các quyết định được phê duyệt.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

2.4. Tổng giá trị 10 thửa và 19 lô đất ở là 13.331.363.876 đồng (Mười ba tỷ ba trăm ba mươi một triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi sáu đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá tài sản.

(Đính kèm bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản)

4. Hồ sơ, tài liệu, thời gian, địa điểm nhận hồ sơ.

- Hồ sơ, tài liệu: Hồ sơ, tài liệu tham gia lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá đóng thành tập riêng biệt, niêm phong và đóng dấu giáp lai; hồ sơ nộp 02 bộ (01 bản gốc và 01 bản sao).

- Thời gian: 03 ngày, từ 8 giờ ngày 14/12/2022 đến 16 giờ 00 phút ngày 16/12/2022 (trong giờ hành chính các ngày làm việc, nhận hồ sơ trực tiếp).

- Địa điểm: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Phước, khu phố 4, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước.

(người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Chứng minh nhân dân. Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được chọn).

Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Phước Thông báo lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất ở đối với các thửa đất trên địa bàn huyện Ninh Phước để biết và có nhu cầu tìm hiểu thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Phước (Địa chỉ: Số 24 Nguyễn Huệ, Khu phố 4, Thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; Điện thoại: 02593.864050; Mail: ttptqd_np@ninhthuan.gov.vn)

Xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản của Bộ Tư Pháp (đăng thông tin);
- các thành viên tổ tư vấn;
- Trung tâm VH-TT (đăng thông tin);
- Các tổ chức đấu giá Chuyên nghiệp;
- Lưu: VT.



Châu Tấn Đạt

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
(Kèm theo Thông báo số 668 /TB-TTPTQĐ ngày 13 /12/2022
của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Ninh Phước)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23
1	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	11
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5
2	<i>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</i>	8
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22
1	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan</i>	4
2	<i>Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4
3	<i>Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá</i>	4
4	<i>Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá</i>	4
5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6

2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16
2.5	Từ 100% trở lên	18
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5
3.1	Dưới 03 năm	3
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4
3.3	Từ 05 năm trở lên	5
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3
4.1	01 đấu giá viên	1
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3

2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5
1	Bình quân kinh nghiệm hành nghề của các đấu giá viên tại tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá)	1
2	Thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định đối với đơn vị tổ chức đấu giá (Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm và các chế độ khác theo quy định tại đơn vị)	1
3	Phương án đấu giá khai thi, hiệu quả tại Mục II nêu trên (xây dựng phương án chi tiết, riêng biệt từng phương án một, ký và đóng dấu từng phương án riêng biệt).	1
4	Có tổ chức đấu giá theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại tài sản trong năm trước liền kề đến thời điểm nộp hồ sơ. Hợp đồng dịch vụ đấu giá đạt tỷ lệ 100%, đấu giá thành lần 1.	1
5	Hồ sơ tham gia lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá phải đóng thành tập theo thứ tự quy định nêu trên và có phụ lục kèm theo.	1
Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

Ghi chú:

1. Tài sản đấu giá cùng loại là tài sản đấu giá được quy định trong cùng một điểm của khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản, ví dụ: quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai thuộc tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất bị kê biên theo pháp luật về thi hành án dân sự thuộc tài sản thi hành án quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản; quyền sử dụng đất thế chấp cho tổ chức tín dụng và được tổ chức tín dụng bán đấu giá theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thuộc tài sản bảo đảm quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản.

2. Năm trước liền kề tại mục 1, mục 2, mục 6 và mục 8 Phần III Phụ lục I Thông tư này được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

3. Hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn do tổ chức đấu giá tài sản xây dựng, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản bao gồm thông tin đầy đủ về các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Phụ lục này.

Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật, đấu giá viên của tổ chức bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật về tội vi phạm quy định về hoạt động bán đấu giá tài sản; tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên bị xử lý vi phạm hành chính; tổ chức đấu giá tài sản bị cơ quan có thẩm quyền xác định không thực hiện thông báo công khai việc đấu giá tài sản trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ thì tổ chức đấu giá tài sản có trách nhiệm cung cấp các thông tin này.

4. Tổ chức đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Tổ chức đấu giá tài sản có thể gửi kèm theo bản đánh máy hoặc bản chụp các giấy tờ; tài liệu chứng minh trong hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn của mình. Người có tài sản không được yêu cầu tổ chức đấu giá tài sản nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực các giấy tờ, tài liệu chứng minh trong thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

5. Số thứ tự V: Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đầu giá

- Số thứ tự 2: Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá phải thực hiện đầy đủ các chế độ như đóng Bảo hiểm nghề nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm khác ... theo quy định và kèm theo các tài liệu chứng minh cụ thể.
- Số thứ tự 3: Phương án đấu giá khai thi, hiệu quả tại Mục II nêu trên (xây dựng phương án chi tiết, riêng biệt từng phương án một, ký và đóng dấu từng phương án riêng biệt theo thứ tự quy định và có phụ lục đính kèm; ưu tiên điểm tối đa cho các đơn vị xây dựng 06 phương án có đưa ra nhiều tình huống xử lý trong một phương án chi tiết).

